

Tân Bình, ngày 16 tháng 10 năm 2023

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ (6 THÁNG/CẢ NĂM)
QUÝ 3 NĂM 2023**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		94.400.000		
I	Số thu phí, lệ phí		94.400.000		
2	Phí				
	Phí tuyển dụng viên chức	-	94.400.000		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		94.400.000		
1	Lệ phí		94.400.000		
2	Phí				
	Phí tuyển dụng viên chức		94.400.000		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.033.253.131	2.722.972.780		
I	Nguồn ngân sách trong nước	19.033.253.131	2.722.972.780		
1	Chi quản lý hành chính	7.396.893.131	1.130.357.780		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.728.599.703	1.130.357.780	41,4	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.668.293.428		-	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11.636.360.000	1.592.615.000		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.636.360.000	1.592.615.000	13,69	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Bình, ngày 16 tháng 10 năm 2023

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2023

I. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13):	512.996.651 đồng
- Tiền lương	270.332.492 đồng
- Phụ cấp lương	78.326.329 đồng
- Tiền thưởng	đồng
- Phúc lợi tập thể	11.400.000 đồng
- Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, KPCĐ	66.692.755 đồng
- Dịch vụ công cộng (điện, nước)	18.396.264 đồng
- Văn phòng phẩm	đồng
- Vật tư văn phòng	đồng
- Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	473.811 đồng
- Cước phí Internet	10.560.000 đồng
- Công tác phí	4.000.000 đồng
- Chi phí thuê mướn lao động	44.000.000 đồng
- Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	đồng
- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (chi mua hàng hóa, vật tư)	8.815.000 đồng
II. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 14):	617.361.129 đồng
- Tiền lương	57.508.104 đồng
- Phụ cấp lương	16.666.999 đồng
- Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, KPCĐ	13.375.200 đồng
- Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018	529.810.826 đồng
III. Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 12)	1.592.615.000 đồng
<i>Kinh phí hoạt động sự nghiệp GDĐT</i>	1.592.615.000 đồng
- Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	268.200.000 đồng
- Thuê phương tiện vận chuyển	9.000.000 đồng
Chi khác	135.515.000 đồng
Chi trợ giúp đột xuất cho các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác (NQ24/2022)	227.000.000 đồng
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	952.900.000 đồng
Tổng cộng I+II+III	2.722.972.780 đồng